

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
Số 88 Trường Chinh. Phường Kim Liên. Thành phố Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/04/2026 ĐẾN NGÀY 30/06/2026



Tháng 07 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 -5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT	8 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị

Ủy Ban kiểm toán

Ông Nguyễn Việt Hoàng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng kiêm Người quản trị nội bộ

Người công bố thông tin:

Bà Nguyễn Thị Phụng	Trưởng Bộ phận Nội chính
---------------------	--------------------------

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 - 2026 và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG I
Số 88 Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo.



Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phê duyệt, ngày 25 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.006.307.055	70.321.920.085
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	31.854.253.214	38.417.804.632
Tiền	111		5.080.488.692	13.274.430.440
Các khoản tương đương tiền	112		26.773.764.522	25.143.374.192
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.118.134.418	12.004.490.560
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	20.979.085.438	14.208.700.456
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	776.823.252	808.228.018
Phải thu ngắn hạn khác	135	10	4.630.471.267	4.255.807.625
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	136	11	(7.268.245.539)	(7.268.245.539)
Hàng tồn kho	140	9	22.501.632.664	18.818.063.220
Hàng tồn kho	141		27.644.352.172	18.967.364.495
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(5.142.719.508)	(149.301.275)
Tài sản ngắn hạn khác	160		1.532.286.759	1.081.561.673
Chi phí trả trước ngắn hạn	161	2	648.059.334	349.073.963
Thuế GTGT được khấu trừ	162		884.227.425	708.049.710
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	17	-	24.438.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.193.862.441	92.792.288.507
Các khoản phải thu dài hạn	210	10	19.965.000	19.965.000
Phải thu dài hạn khác	215		19.965.000	19.965.000
Tài sản cố định	220		90.053.500.757	90.287.772.918
Tài sản cố định hữu hình	221	12	89.034.739.211	89.209.084.222
- Nguyên giá	222		167.241.314.178	165.909.388.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.206.574.967)	(76.700.304.031)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.018.761.546	1.078.688.696
- Nguyên giá	228		2.416.877.460	2.416.877.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.398.115.914)	(1.338.188.764)
Tài sản dở dang dài hạn	250		871.100.328	324.074.074
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	251		871.100.328	324.074.074
Đầu tư tài chính dài hạn	260	3	-	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	263		866.640.000	866.640.000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(866.640.000)	(866.640.000)
Tài sản dài hạn khác	270		2.249.296.356	2.160.476.515
Chi phí trả trước dài hạn	271	5	2.249.296.356	2.160.476.515
TỔNG TÀI SẢN	280		168.200.169.496	163.114.208.592

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		56.165.251.794	53.466.213.214
Nợ ngắn hạn	310		45.626.251.794	41.127.213.214
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	29.942.722.123	22.566.175.583
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		249.791.282	143.476.243
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	998.598.946	2.401.374.192
Phải trả người lao động	315		3.962.083.924	6.637.863.145
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	15	4.557.356.195	3.793.938.088
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		-	15.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	16	5.561.592.398	4.952.779.037
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		354.106.926	616.606.926
Nợ dài hạn	330		10.539.000.000	12.339.000.000
Phải trả dài hạn khác	338	16	539.000.000	539.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	18	10.000.000.000	11.800.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	112.034.917.702	109.647.995.378
Vốn chủ sở hữu	410		112.034.917.702	109.647.995.378
Vốn góp của chủ sở hữu	411		162.499.690.000	162.499.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		162.499.690.000	162.499.690.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.559.312.727	3.559.312.727
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(54.302.917.777)	(56.689.840.101)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		(56.689.840.101)	(64.943.078.419)
- LNST chưa phân phối năm nay	420b		2.386.922.324	8.253.238.318
TỔNG NGUỒN VỐN	440		168.200.169.496	163.114.208.592

Phê duyệt, ngày 25 tháng 07 năm 2026

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Phụng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hà

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này năm nay VND	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	44.109.897.093	27.396.307.068	71.073.929.418	51.178.872.131
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	2.209.284.070	1.282.376.463	4.640.876.751	2.213.630.238
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41.900.613.023	26.113.930.605	66.433.052.667	48.965.241.893
Giá vốn hàng bán	11	19	35.763.921.033	20.496.217.461	54.608.548.400	37.911.044.982
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.136.691.990	5.617.713.144	11.824.504.267	11.054.196.911
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	381.000.190	126.473.344	667.168.543	244.459.058
Chi phí tài chính	22	21	152.847.345	329.473.669	215.395.051	446.894.705
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25	22	2.242.743.309	2.368.990.677	4.365.730.991	4.898.338.957
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	2.501.544.228	2.537.009.701	4.911.744.457	4.698.985.153
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.620.557.298	508.712.441	2.998.802.311	1.254.437.154
Thu nhập khác	31	23	55.811.845	2.660.514.646	55.811.854	2.694.963.577
Chi phí khác	32	23	21.827.938	34.011.358	42.827.938	67.883.002
Lợi nhuận khác	40		33.983.907	2.626.503.288	12.983.916	2.627.080.575
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.654.541.205	3.135.215.729	3.011.786.227	3.881.517.729
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	335.114.898	634.011.799	624.863.903	789.432.199
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.319.426.307	2.501.203.930	2.386.922.324	3.092.085.530
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	81	154	66	36
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	81	154	66	36

Phê duyệt, ngày 25 tháng 07 năm 2026

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Phượng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thu Hà

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.011.786.227	3.881.517.729
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.710.105.975	2.969.429.904
- Các khoản dự phòng	03	4.993.418.233	179.855.779
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	18.317.128	49.223.808
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(661.782.670)	(213.858.530)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.071.844.893	6.866.168.690
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.284.993.243)	(4.289.781.073)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.676.987.677)	(6.551.814.794)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.121.502.756	141.481.162
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(387.805.212)	(344.138.023)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.003.888.578)	(1.175.696.190)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(262.500.000)	(245.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.422.827.061)	(5.599.330.228)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.022.860.068)	(675.357.088)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	50.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	631.392.340	234.555.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.341.467.728)	(440.801.609)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	10.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.800.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.800.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(6.564.294.789)	(6.040.131.837)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.417.804.632	28.209.029.640
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hoái đoái quy đổi ngoại tệ	61	743.371	4.563.629
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	31.854.253.214	22.173.461.432

Phê duyệt, ngày 25 tháng 07 năm 2026

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)


Nguyễn Thị Phượng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Nguyễn Thị Thu Hà

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I. (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 16 ngày 14/07/2025.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đến ngày 30/06/2026 là 162.499.690.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 88 đường Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 94 người (tại ngày 01/01/2026 là 81 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026, hoạt động chính của Công ty là Sản xuất kinh doanh Thuốc thú y và cho thuê địa điểm kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh Thuốc thú y

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Trong năm tài chính, hoạt động của Công ty không có biến động đáng kể ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con: Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1 có trụ sở chính tại Thôn Bình Lương, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Số 88 Trường Chinh. Phường Kim Liên. Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết; Không có
- Danh sách các đơn vị trực thuộc. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương I tại thành phố Hồ Chí Minh: Địa chỉ 40 Lâm Thị Hồ. Phường Trung Mỹ Tây. Thành Phố Hồ Chí Minh. Việt nam là đơn vị hạch toán phụ thuộc.
- 7. Số lượng người lao động tại thời điểm cuối niên độ hoặc số lượng người lao động bình quân trong niên độ: Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 94 người (tại ngày 31/12/2025 là 81 người).
- 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 : Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán Quý 2 - 2025 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 - 2025. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán
- 9. Thuyết minh các thông tin khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 theo quy định pháp luật có liên quan như pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán.....: Không có thông tin khác cần thuyết minh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12).
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 - 2026 này.

IV. Các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính hợp nhất lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam: Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (VND) làm đơn vị tiền tệ trong kế toán và lập Báo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

cáo tài chính. Do đó, không phát sinh việc chuyển đổi Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh theo quy định tại Thông tư 99/2022/TT-BTC.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo quy định hiện hành.
- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, cụ thể là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Trường hợp ngân hàng không công bố tỷ giá đối với một đồng ngoại tệ, Công ty thực hiện quy đổi thông qua tỷ giá chéo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Đối với vàng tiền tệ (nếu có), được đánh giá lại theo giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố hoặc theo giá mua của đơn vị được phép kinh doanh vàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- a) Chứng khoán kinh doanh;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn : Không có
- c) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

d) Đầu tư vào đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

đ) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

- Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.
- Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư tài chính được theo dõi theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có).
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi Công ty có quyền nhận.
- Khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.
- Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo quy định hiện hành khi có dấu hiệu suy giảm giá trị; khoản dự phòng được hoàn nhập khi giá trị khoản đầu tư được phục hồi.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Khoản dự phòng được hoàn nhập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tăng lên.
- Tiêu thức phân bổ nguyên liệu, vật liệu: Chi phí nguyên liệu, vật liệu được phân bổ theo mức tiêu hao thực tế hoặc theo định mức hợp lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách kế toán liên quan đến hàng tồn kho đối với những hợp đồng có rủi ro lớn: Đối với các hợp đồng có rủi ro lớn, Công ty thực hiện đánh giá tổn thất dự kiến và ghi nhận chi phí tương ứng khi chi phí ước tính để thực hiện hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự kiến thu được từ hợp đồng đó.

8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình (bao gồm cả cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ, súc vật làm việc), TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư.

8.1. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 99/2022/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm:

- + Đối với tài sản mua sắm: giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng;
- + Đối với tài sản do xây dựng: giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có);
- + Đối với tài sản tự xây dựng hoặc tự chế: giá thành thực tế và chi phí lắp đặt, chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các tài sản đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức. Công ty thực hiện tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao; khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Tài sản được phân loại theo nhóm có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

8.2 Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ vô hình.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo **nguyên giá** và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 – Tài sản cố định vô hình. Thông tư số 99/2022/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó.

Khi tài sản cố định vô hình được thanh lý hoặc nhượng bán, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ; chênh lệch phát sinh được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chủ yếu là phần mềm kế toán và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính là 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán tài sản sinh học

Tài sản sinh học được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm các chi phí trực tiếp phát sinh để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Trong quá trình nắm giữ, tài sản sinh học được theo dõi theo giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế (nếu có) và dự phòng tổn thất.

Chi phí phát sinh liên quan đến tài sản sinh học được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi được vốn hóa theo quy định.

10. Nguyên tắc kế toán các loại hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận theo bản chất kinh tế của giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trường hợp Công ty có quyền kiểm soát tài sản và chịu trách nhiệm về nghĩa vụ: ghi nhận tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí tương ứng;

Trường hợp chỉ tham gia phân chia kết quả: ghi nhận phần doanh thu hoặc chi phí tương ứng với tỷ lệ được hưởng theo hợp đồng.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các khoản chi phí đã phát sinh nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo thời gian hoặc theo mức độ hưởng lợi.

12. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán được ghi nhận theo giá trị phải thanh toán. Các khoản phải trả bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo quy định.

13. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức, lợi nhuận phải trả được ghi nhận là **khoản phải trả** khi có quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định.

Khoản phải trả này được ghi nhận theo **giá trị phải thanh toán**.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng đã **liên quan đến kỳ kế toán hiện tại**.

Các khoản này được ghi nhận vào chi phí trong kỳ trên cơ sở **phù hợp giữa doanh thu và chi phí** và được xác định một cách hợp lý.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ là các khoản đã thu hoặc sẽ thu nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận vào doanh thu trong kỳ.

Các khoản này được ghi nhận là nợ phải trả và được phân bổ dần vào doanh thu phù hợp với thời gian hoặc mức độ thực hiện nghĩa vụ.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi:

- Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra;
- Có khả năng phải sử dụng nguồn lực để thanh toán nghĩa vụ đó;
- Giá trị nghĩa vụ được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính hợp lý các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại (nếu có):

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế của các khoản mục này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng chắc chắn có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ;
 - Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời chịu thuế.
- Thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất dự kiến áp dụng tại thời điểm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán.

18. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của khoản nhận được, trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch vay.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị còn lại phải thanh toán.

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào **chi phí tài chính** trong kỳ, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định.

19. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản.

Việc vốn hóa chi phí đi vay được tạm dừng hoặc chấm **dứt** khi các hoạt động cần thiết để chuẩn bị tài sản đưa vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành

20. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

- Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận ban đầu theo giá trị thu được từ phát hành.

- Phần nợ của trái phiếu được ghi nhận là nợ phải trả, phần quyền chuyển đổi (nếu xác định được) được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu theo quy định.

- Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần vào chi phí tài chính theo thời gian của trái phiếu.

- Khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, giá trị ghi sổ của trái phiếu được kết chuyển sang vốn chủ sở hữu theo quy định

21. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị thực tế đã góp của các cổ đông/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận là phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

Quyền chọn chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi (nếu có) được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu theo giá trị xác định tại thời điểm phát hành.

Các khoản vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: Chênh lệch đánh giá lại tài sản được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Việc xử lý các khoản chênh lệch này được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Trường hợp chênh lệch tỷ giá phát sinh liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản hoặc theo quy định được phép ghi nhận vào vốn chủ sở hữu thì thực hiện theo quy định hiện hành.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty chưa được phân phối.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Doanh thu bán hàng: Được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện: Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua; Không còn nắm giữ quyền quản lý như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch; Xác định được các chi phí liên quan. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản đã thu hoặc sẽ thu, không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba.

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận theo mức độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

+ Doanh thu hợp đồng xây dựng: Được ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành khi kết quả hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp không thể ước tính đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí đã phát sinh có khả năng thu hồi.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản thu tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích; Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận.

- Thu nhập khác: Thu nhập khác là các khoản thu không phát sinh từ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, bao gồm: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản, tiền phạt, bồi thường, các khoản thu khác. Thu nhập khác được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và xác định được một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu :

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản này được ghi nhận riêng biệt và trừ vào doanh thu trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về việc giảm trừ và xác định được giá trị một cách đáng tin cậy

24. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán bao gồm giá trị vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ.

Giá vốn được xác định phù hợp với doanh thu tương ứng và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Việc xác định giá vốn hàng bán được thực hiện theo phương pháp tính giá hàng tồn kho mà Công ty áp dụng.

25. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá, dự phòng tổn thất đầu tư tài chính và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận vào chi phí trong kỳ, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định.

Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh và đánh giá lại cuối kỳ theo quy định.

26. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý chung của Công ty.

Các chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp, căn cứ vào thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Trường hợp chi phí liên quan đến nhiều kỳ thì được **phân bổ hợp lý** vào các kỳ tương ứng.

27. Nguyên tắc kế toán bán, thanh lý TSCĐ, bất động sản đầu tư.

Khi bán, thanh lý tài sản cố định hoặc bất động sản đầu tư, Công ty ghi giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản.

Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Các chi phí liên quan đến việc thanh lý, nhượng bán được ghi nhận vào **chi phí khác**

28. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (bao gồm cả chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu), chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trường hợp phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (nếu có). khoản thuế này được ghi nhận vào chi phí thuế TNDN trong kỳ theo quy định.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của tài sản và nợ phải trả.

Tổng chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm thuế hiện hành và thuế hoãn lại.

29. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác được Công ty áp dụng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 99/2022/TT-BTC.

Đối với các nghiệp vụ phát sinh chưa được quy định cụ thể. Công ty thực hiện theo bản chất kinh tế của giao dịch và các quy định pháp luật có liên quan

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Tiền mặt	1.080.326.639	1.941.093.538
- Tiền gửi không kỳ hạn	4.000.162.053	11.333.336.902
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tương đương tiền	26.773.764.522	25.143.374.192
Cộng	31.854.253.214	38.417.804.632

2. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	648.059.334	349.073.963
- Phí kiểm định, phí sử dụng đường bộ, bảo hiểm thân vỏ xe	27.289.833	31.548.732
- Phần mềm diệt virus, phần mềm quản lý kho, phần mềm kế toán	8.952.333	5.814.335
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	371.388.677	272.187.102
- Chi phí phân bổ ngắn hạn khác	240.428.491	39.523.794
b) Dài hạn	2.249.296.356	2.160.476.515
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	856.417.504	365.575.052
- Giấy phép xả thải	53.881.752	115.916.671
- Phí đăng ký gia hạn lưu hành sản phẩm thuốc	715.464.334	289.802.408
- Phí bảo trì phần mềm kế toán	63.394.695	22.916.662
- Phí sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, tài sản	301.062.968	379.411.726
- Chi phí trả trước dài hạn khác	259.075.103	986.853.996
Cộng	2.897.355.690	2.509.550.478

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
Số 88 Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (chi tiết từng khoản đầu tư theo tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết)

30/06/2026		01/01/2026	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào đơn vị khác + Công ty Cổ phần giống gia cảm Lương Mỹ	866.640.000	866.640.000	(866.640.000)
	866.640.000	866.640.000	(866.640.000)
866.640.000	(866.640.000)	866.640.000	(866.640.000)
Cộng			

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con

Hoạt động chính của Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1 trong năm tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2026 là sản xuất, kinh doanh thuốc thú y. Trong năm 2023 Công ty có phát sinh giao dịch đầu tư góp vốn thêm 20.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1.

(*) Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	20.979.085.438	(3.032.389.320)	14.208.700.456	(3.032.389.320)
Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương I	1.642.934.130	(1.513.702.150)	1.589.477.758	(1.513.702.150)
Văn Phòng Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương I	79.818.093	(79.818.093)	79.818.093	(79.818.093)
Các Đối tượng khác	1.089.591.557	(960.359.577)	1.036.135.185	(960.359.577)
Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương I tại TP HCM	473.524.480	(473.524.480)	473.524.480	(473.524.480)
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW1	19.336.151.308	(1.518.687.170)	12.619.222.698	(1.518.687.170)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi MAVIN	7.138.265.433	-	514.432.130	-
Công ty TNHH Advance Pharma VN	1.778.547.750	-	5.107.053.630	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	384.563.256	-	793.834.507	-
Nguyễn Thanh Phong	717.082.161	-	-	-
Công ty TNHH Mavin Anh Sơn	743.089.276	-	39.382.341	-
Công ty Cổ phần AGRIBIOTECH	580.789.616	-	211.612.002	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam - Chi nhánh 6 tại Hà Nội	411.549.600	-	373.464.000	-
Các đối tượng khác	7.582.264.216	(1.518.687.170)	5.579.444.088	(1.518.687.170)
Dài hạn				
Cộng	20.979.085.438	(3.032.389.320)	14.208.700.456	(3.032.389.320)

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	776.823.252	(712.673.252)	808.228.018	(712.673.252)
Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương I	679.354.252	(679.354.252)	684.909.252	(679.354.252)
Công ty Cổ phần Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	(549.354.252)	549.354.252	(549.354.252)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	(130.000.000)	130.000.000	(130.000.000)
Công ty TNHH Đầu Tư Bách Hợp	-	-	5.555.000	-
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW1	97.469.000	(33.319.000)	123.318.766	(33.319.000)
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và ĐT XD	33.319.000	(33.319.000)	33.319.000	(33.319.000)
Đồng Thịnh	-	-	-	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ NNK Việt Nam	-	-	89.999.766	-
Các đối tượng khác	64.150.000	-	-	-
b) Dài hạn				
Cộng	776.823.252	(712.673.252)	808.228.018	(712.673.252)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	15.813.191.218	(91.199.856)	7.402.442.379	(91.346.823)
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Thành phẩm	5.153.402.714	(55.897.402)	3.530.419.107	(57.954.452)
Hàng hóa	6.677.758.240	(4.995.622.250)	8.034.503.009	-
Cộng	27.644.352.172	(5.142.719.508)	18.967.364.495	(149.301.275)

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	4.630.471.267	(3.523.182.967)	4.255.807.625	(3.523.182.967)
- Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương I	4.143.775.300	(3.506.395.592)	4.143.775.300	(3.506.395.592)
- Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW1 (bù trừ)	-	-	-	-
- Phải thu khác tại VP	3.329.065.826	(2.691.686.118)	3.329.065.826	(2.691.686.118)
- Phải thu khác tại Chi Nhánh HCM	814.709.474	(814.709.474)	814.709.474	(814.709.474)
- Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW1	486.695.967	(16.787.375)	112.032.325	(16.787.375)
- Các khoản chi hộ Bảo hiểm xã hội	86.378.600	-	86.378.600	-
Tạm Ứng	368.185.537	-	3.913.000	-
Phải thu thuế TNCN lãi vay đã trả	-	-	-	-
Phải thu bảo hiểm	300.000	-	300.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	73.374.192	-
Phải thu các đối tượng khác	31.831.830	(16.787.375)	(51.933.467)	(16.787.375)
b) Dài hạn	19.965.000	-	19.965.000	-
- Ký cược, ký quỹ	19.965.000	-	19.965.000	-
Cộng	4.650.436.267	(3.523.182.967)	4.275.772.625	(3.523.182.967)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
Số 88 Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

8. NỢ XẤU

	01/01/2026		30/06/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương I	5.699.451.994	(5.699.451.994)	5.699.451.994	(5.699.451.994)
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.513.702.150	(1.513.702.150)	1.513.702.150	(1.513.702.150)
+ Trần Văn Điệp	65.276.477	(65.276.477)	65.276.477	(65.276.477)
+ Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	(29.920.213)	29.920.213	(29.920.213)
+ Các đối tượng khác	1.418.505.460	(1.418.505.460)	1.418.505.460	(1.418.505.460)
<i>Trả trước cho người bán</i>	679.354.252	(679.354.252)	679.354.252	(679.354.252)
+ Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	(549.354.252)	549.354.252	(549.354.252)
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	(130.000.000)	130.000.000	(130.000.000)
<i>Phải thu khác</i>	3.506.395.592	(3.506.395.592)	3.506.395.592	(3.506.395.592)
+ Nguyễn Huy Đức	629.034.000	(629.034.000)	629.034.000	(629.034.000)
+ Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	(912.020.000)	912.020.000	(912.020.000)
+ Lê Đức Hùng	479.858.333	(479.858.333)	479.858.333	(479.858.333)
+ Các đối tượng khác	1.485.483.259	(1.485.483.259)	1.485.483.259	(1.485.483.259)
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	1.568.793.545	(1.568.793.545)	1.568.793.545	(1.568.793.545)
+ Công ty TNHH Dược thú y Nam Dương	386.359.818	(386.359.818)	386.359.818	(386.359.818)
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Biovet	81.761.832	(81.761.832)	81.761.832	(81.761.832)
+ Công ty CP Thú y Thủy sản Trung ương	190.437.586	(190.437.586)	190.437.586	(190.437.586)
+ Thái Duy Phúc	196.941.127	(196.941.127)	196.941.127	(196.941.127)
+ Các đối tượng khác	713.293.182	(713.293.182)	713.293.182	(713.293.182)
Cộng	7.268.245.539	(7.268.245.539)	7.268.245.539	(7.268.245.539)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
Số 88 Trưng Chinh. Phường Kim Liên. Thành phố Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2026	125.477.179.593	31.924.661.225	4.489.540.988	4.018.006.447	165.909.388.253
- Mua trong năm	-	1.668.601.000	951.432.814	-	2.620.033.814
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(311.990.554)	-	(311.990.554)
- Giảm khác	-	(922.867.335)	-	(53.250.000)	(976.117.335)
30/06/2026	125.477.179.593	32.670.394.890	5.128.983.248	3.964.756.447	167.241.314.178

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2026	(44.391.770.606)	(24.071.576.458)	(4.218.950.520)	(4.018.006.447)	(76.700.304.031)
- Khấu hao trong năm	(1.870.412.201)	(720.087.854)	(59.678.770)	-	(2.650.178.825)
Thanh lý, nhượng bán			311.990.554		311.990.554
Giảm khác		778.667.335		53.250.000	831.917.335
30/06/2026	(46.262.182.807)	(24.012.996.977)	(3.966.638.736)	(3.964.756.447)	(78.206.574.967)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2026	81.085.408.987	7.853.084.767	270.590.468	-	89.209.084.222
30/06/2026	79.214.996.786	8.657.397.913	1.162.344.512	-	89.034.739.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2026	2.157.377.460	259.500.000	2.416.877.460
30/06/2026	2.157.377.460	259.500.000	2.416.877.460
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2026	(1.078.688.764)	(259.500.000)	(1.338.188.764)
Khấu hao trong năm	(59.927.150)	-	(59.927.150)
30/06/2026	(1.108.652.339)	(259.500.000)	(1.368.152.339)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2026	1.078.688.696	-	1.078.688.696
30/06/2026	1.018.761.546	-	1.018.761.546

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2026	01/01/2026
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a) Ngắn hạn	29.942.722.123	22.566.175.583
<i>Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương I</i>	<i>7.234.013.578</i>	<i>7.422.761.403</i>
- Công ty TNHH công trình thiết kế Nam Ninh	2.067.308.751	2.060.333.847
- Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	1.384.287.641	1.584.287.641
Phải trả khác tại Chi Nhánh HCM	22.400.000	22.400.000
Phải trả khác tại VP	3.760.017.186	3.755.739.915
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	22.708.708.545	15.143.414.180
Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine CO.,LTD	7.929.395.331	11.358.842.238
Guangdong Wens Dahuanong Biotechnology Co.,ltd	531.986.582	2.044.493.568
Công ty TNHH LVA Việt Nam	3.064.000.329	181.299.951
Công ty CP sản xuất TM Thái Sơn	637.364.435	48.415.028
Công ty TNHH hóa chất Navy	308.250.031	-
Công ty TNHH Ruby	1.523.550.000	206.475.000
Các đối tượng khác	8.714.161.837	1.303.888.395
b) Dài hạn	-	-
Cộng	29.942.722.123	22.566.175.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2026	01/01/2026
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.557.356.195	3.793.938.088
Chi phí chiết khấu	2.276.906.106	1.864.517.620
Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.666.404.500	1.666.404.500
các khoản trích trước	614.045.589	263.015.968
b) Dài hạn	-	-
	4.557.356.195	3.793.938.088

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	30/06/2026	01/01/2026
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	5.561.592.398	4.952.779.037
Bảo hiểm xã hội	660.096.847	606.830.922
Bảo hiểm y tế	121.182.625	-
Bảo hiểm thất nghiệp	21.633.915	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.534.180	-
Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương I	3.682.603.908	3.682.603.908
Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	390.212.000
Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	136.723.837
Ông Lê Đức Liên	1.370.604.981	1.370.604.981
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	12.900.000	12.900.000
Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	747.785.260
Các đối tượng khác	1.024.377.830	1.024.377.830
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	1.066.540.923	663.344.207
+ Phải trả hàng tồn kho ký gửi cho khách	144.274.473	144.274.473
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	922.266.450	519.069.734
Các đối tượng khác	-	-
b) Dài hạn	539.000.000	539.000.000
Ký cược, ký quỹ	539.000.000	539.000.000
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	6.100.592.398	5.491.779.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp	01/01/2026	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	252.533.951	1.556.624.053	1.564.407.793	244.750.211
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.003.888.579	624.863.903	2.003.888.578	624.863.904
- Thuế thu nhập cá nhân	60.425.215	191.049.037	203.899.719	47.574.533
- Thuế tài nguyên	297.600	1.737.600	1.747.200	288.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(24.438.000)	674.804.948	650.366.948	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	84.228.847	-	3.106.549	81.122.298
Cộng	2.376.936.192	3.049.079.541	4.427.416.787	998.598.946

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
Số 88 Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Giá trị	01/01/2026	Trong kỳ		30/06/2026	
		Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	11.800.000.000	11.800.000.000	10.000.000.000	11.800.000.000	10.000.000.000
+ Các đối tượng khác (*)	11.800.000.000	11.800.000.000	10.000.000.000	11.800.000.000	10.000.000.000
Cộng	11.800.000.000	11.800.000.000	10.000.000.000	11.800.000.000	10.000.000.000

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2025	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727	(64.943.078.419)	101.394.757.060			
- Tăng vốn trong năm trước (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	8.453.238.318	-	8.453.238.318	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty Cổ Phần Thuốc Thú y Trung Ương I	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	-	-	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)	-
31/12/2025	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727	(56.689.840.101)	109.647.995.378			
01/01/2026	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727	(56.689.840.101)	109.647.995.378			
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	2.386.922.324	-	2.386.922.324	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30/06/2026	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727	(54.302.917.777)	112.034.917.702			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2026	01/01/2026
Bà Nguyễn Thị Hương	-	6,702,490,000
Lê Hải Đoàn	10,226,140,000	3,052,560,000
Lê chí Cường	10,000,000,000	10,000,000,000
Chu Văn Chung	20,000,000,000	20,000,000,000
Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ngân hàng TMCPCT Việt Nam	40,000,000,000	40,000,000,000
Các cổ đông khác	82,273,420,000	82,744,510,000
Cổ phiếu quỹ	130,000	130,000
Cộng	162,499,690,000	162,499,690,000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC. CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	162.499.690.000	162.499.690.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	162.499.690.000	162.499.690.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

16.4 CỔ PHIẾU

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 CP	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.249.969	16.249.969
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.249.969	16.249.969
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.969	16.249.969
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ Cổ phiếu phổ thông	13	13
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16.5 CÁC QUỸ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.559.312.727	3.559.312.727
Quỹ khen thưởng phúc lợi	354.106.926	616.606.926
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

Mục đích trích lập các quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Doanh thu	44.109.897.093	27.396.307.068
- Doanh thu bán hàng	42.779.899.165	25.946.410.594
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.329.997.928	1.449.896.474
Cộng	44.109.897.093	27.396.307.068

18. CÁC KHOẢN GIẢM TỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.209.284.070	1.282.376.463
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	2.209.284.070	1.104.075.383
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	178.301.080
Cộng	2.209.284.070	1.282.376.463

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	30.735.341.912	20.461.056.573
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.160.888	35.160.888
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.993.418.233	-
Cộng	35.763.921.033	20.496.217.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	369.667.048	121.096.955
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.333.142	5.376.389
Cộng	381.000.190	126.473.344

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	94.510.712	273.518.623
- Chi phí tài chính khác	58.336.633	55.955.046
Cộng	152.847.345	329.473.669

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.501.544.228	2.537.009.701
- Chi phí nhân viên quản lý	1.096.754.063	1.170.440.338
- Chi phí vật liệu quản lý	40.299.013	29.462.630
- Chi phí đồ dùng văn phòng	87.630.662	86.823.749
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	269.308.644	278.694.276
- Thuế, phí và lệ phí	376.243.848	307.173.846
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.958.964	156.178.647
- Chi phí bằng tiền khác	194.349.034	508.236.215
b) Các khoản chi phí bán hàng	2.242.743.309	2.368.990.677
- Chi phí nhân viên	804.813.450	1.274.286.311
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.941.595	4.685.708
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	33.484.007	18.859.809
- Chi phí khấu hao TSCĐ	91.161.101	63.926.460
- Chi phí bảo hành	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	869.529.777	858.574.993
- Chi phí bằng tiền khác	440.813.379	148.657.396
Cộng	4.744.287.537	4.906.000.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

a) THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Tiền hỗ trợ nhà cung cấp	10.357.200	2.660.465.239
Các khoản khác	45.454.645	49.407
Cộng	55.811.845	2.660.514.646

b) CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Chi phí khác	-	1.011.358
Chi phí phạt chậm nộp, phạt thuế	827.938	-
Thù lao HĐQT	21.000.000	33.000.000
Cộng	21.827.938	34.011.358

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	13.436.742.921	8.931.783.957
- Chi phí nhân công	3.675.215.393	3.758.576.044
- Khấu hao tài sản cố định	1.378.264.536	1.483.972.175
- Chi phí dự phòng	4.993.418.233	179.855.779
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.490.344.308	1.260.480.785
- Chi phí bằng tiền khác	1.320.860.868	1.111.511.090
	-	-
Cộng	26.294.846.259	16.726.179.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.654.541.205	3.135.215.729
- Thuế TNDN phải trả ước tính		
- Tổng thuế TNDN hiện hành	335.114.898	634.011.799
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	102.749.193	101.957.420
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	232.365.705	532.054.379

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.319.426.307	2.501.203.930
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	16.249.969	16.249.969
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	81	154
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	1.319.426.307	2.501.203.930
ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành		
	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	16.249.956	16.249.956
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành Trong kỳ (Phát hành ngày 10/02/2023)	-	-
....	-	-
Cổ phiếu quỹ	13	13
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	16.249.969	16.249.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.319.426.307	2.501.203.930
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	16.249.969	16.249.969
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	81	154
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	1.319.426.307	2.501.203.930
ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành		
	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	16.249.969	16.249.969
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	16.249.969	16.249.969
Cổ phiếu phổ thông dự kiến sẽ được phát hành (*)	-	-

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu. các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Hoạt động kinh doanh sản xuất thuốc thú y và hoạt động cung cấp dịch vụ.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp theo gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Số 88 Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy. Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Thông tin về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của công ty cho kỳ tài chính Quý 2 - 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y	Dịch vụ	Khác	Tổng cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026				
- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	40.570.615.095	1.329.997.928		41.900.613.023
- Chi phí kinh doanh	39.683.287.433	824.921.137		40.508.208.570
+ Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	35.728.760.145	35.160.888		35.763.921.033
+ Chi phí bán hàng	2.242.743.309	-		2.242.743.309
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.711.783.979	789.760.249		2.501.544.228
- Kết quả hoạt động kinh doanh	887.327.662	505.076.791		1.392.404.453
-Thu nhập từ hoạt động tài chính	-	-	228.152.845	228.152.845
- Lợi Nhuận khác	-	-	33.983.907	33.983.907
	887.327.662	505.076.791		1.654.541.205

KẾT QUẢ KINH DOANH				
Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025				
- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	24.709.034.131	1.404.896.474		26.113.930.605
- Chi phí kinh doanh	24.571.591.516	830.626.323		25.402.217.839
+ Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20.461.056.573	35.160.888		20.496.217.461
+ Chi phí bán hàng	2.368.990.677	-		2.368.990.677
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.741.544.266	795.465.435		2.537.009.701
- Kết quả hoạt động kinh doanh	137.442.615	574.270.151		711.712.766
-Thu nhập từ hoạt động tài chính	-	-	(203.000.325)	(203.000.325)
- Lợi Nhuận khác	-	-	2.626.503.288	2.626.503.288
	137.442.615	574.270.151		3.135.215.729

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Số 88 Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chỉ tiêu	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y	Dịch vụ	Tổng cộng
TÀI SẢN			
01/01/2026			
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.989.157.757	1.428.646.875	38.417.804.632
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			-
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.285.780.244	718.710.316	12.004.490.560
Hàng tồn kho	18.818.063.220	-	18.818.063.220
Tài sản ngắn hạn khác	949.005.179	132.556.494	1.081.561.673
Các khoản phải thu dài hạn	19.965.000	-	19.965.000
Tài sản cố định	86.738.790.933	3.548.981.985	90.287.772.918
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		324.074.074	324.074.074
Bất động sản đầu tư		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	2.153.771.972	6.704.543	2.160.476.515
Tổng Tài sản	156.954.534.305	6.159.674.287	163.114.208.592
NỢ PHẢI TRẢ	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y	Dịch vụ	Tổng cộng
Nợ ngắn hạn	26.416.021.396	14.711.191.818	41.127.213.214
Nợ dài hạn	11.800.000.000	539.000.000	12.339.000.000
Tổng nợ phải trả	38.216.021.396	15.250.191.818	53.466.213.214
TÀI SẢN	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y	Dịch vụ	Tổng cộng
30/06/2026			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.438.438.443	1.415.814.771	31.854.253.214
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			-
Các khoản phải thu ngắn hạn	18.351.522.730	766.611.688	19.118.134.418
Hàng tồn kho	22.501.632.664	-	22.501.632.664
Tài sản ngắn hạn khác	1.399.730.265	132.556.494	1.532.286.759
Các khoản phải thu dài hạn	19.965.000	-	19.965.000
Tài sản cố định	86.623.558.790	3.429.941.967	90.053.500.757
Bất động sản đầu tư		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	871.100.328	871.100.328
Tài sản dài hạn khác	2.245.273.633	4.022.723	2.249.296.356
Tổng Tài sản	161.580.121.525	6.620.047.971	168.200.169.496
NỢ PHẢI TRẢ	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y	Dịch vụ	Tổng cộng
Nợ ngắn hạn	31.159.701.004	14.466.550.790	45.626.251.794
Nợ dài hạn	10.000.000.000	539.000.000	10.539.000.000
Tổng nợ phải trả	41.159.701.004	15.005.550.790	56.165.251.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. THÔNG TIN KHÁC

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026. Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	: Công ty con
Ông Nguyễn Anh Tuấn	: Chủ tịch HĐQT- Chủ tịch Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1
Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	: Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Tuấn Hùng	: Giám đốc Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ

Thu nhập trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

		Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
Tiền lương và phụ cấp		240.000.000	150.000.000
Tiền thù lao		27.000.000	17.000.000
Cộng		267.000.000	167.000.000
Họ và tên	Chức danh	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	9.000.000	9.000.000
Nguyễn Việt Hoàng	Ủy viên HĐQT	6.000.000	6.000.000
Phan Quốc Duy	Ủy viên HĐQT	-	2.000.000
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	6.000.000	4.000.000
Nguyễn Thị Thu Hà	Người phụ trách quản trị công ty	6.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Thu Hưng	Quyền Giám đốc Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	-	150.000.000
Nguyễn Tuấn Hùng	Giám đốc Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	240.000.000	
		267.000.000	183.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan không phát sinh;

c. Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan không phát sinh;

d. Phải trả khác :

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan không phát sinh;

29.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trích từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Phượng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thu Hà

Phê duyệt, ngày 25 tháng 07 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Anh Tuấn